**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA HỌC KÌ II**

**MÔN VĂN KHỐI 11 - NĂM HỌC 2017 -2018**

***Phần I: LÝ THUYẾT ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN***

**I/ CÁC DẠNG CƠ BẢN CỦA PHẦN ĐỌC – HIỂU:**

1. ***Xác định NỘI DUNG văn bản; ĐẶT TIÊU ĐỀ; Xác định CÂU CHỦ ĐỀ của văn bản***
2. ***DẠNG CẢM NHẬN NỘI DUNG VÀ CẢM XÚC THỂ HIỆN TRONG VĂN BẢN:***

**- *Cảm nhận về nội dung phản ánh***

**- *Cảm nhận về cảm xúc của tác giả***

1. **DẠNG XÁC ĐỊNH TỪ NGỮ, HÌNH ẢNH BIỂU ĐẠT NỘI DUNG CỤ THỂ TRONG VĂN BẢN:**

- Chỉ ra những từ ngữ, hình ảnh thể hiện nội dung cụ thể/ nội dung chính của văn bản

- Xác định câu chủ đề đoạn văn; Kiểu diễn đạt(trình bày): diễn dịc, quy nạp,…

1. ***XÁC ĐỊNH CÁC LỖI DIỄN ĐẠT VÀ CHỮA LẠI CHO ĐÚNG***
* ***Lỗi diễn đạt*** ( chính tả, dùng từ, ngữ pháp)
* ***Lỗi lập luận (*** lỗi lô gic…)
1. **CÁC PHƯƠNG THỨC BIỂU ĐẠT:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Phương thức biểu đạt** | **Nhận diện qua mục đích giao tiếp** |
| 1 | **Tự sự** (kể chuyện, tường thuật): | Tự sự là kể lại, thuật lại sự việc, là phương thức trình bày 1 chuỗi các sự việc, sự việc này đẫn đến sự việc kia, cuối cùng kết thúc thể hiện 1 ý nghĩa. |
| 2 | ***Miêu tả*** |  Miêu tả là làm cho người đọc, người nghe, người xem có thể thấy trạng thái, sự vật, hiện tượng, con người  |
| 3 | ***Biểu cảm*** | Là bộc lộ tình cảm, cảm xúc của mình về thế giới xung quanh. |
| 4 | ***Nghị luận*** | Là phương thức chủ yếu được dùng để bàn bạc phải, trái, đúng sai nhằm bộc lộ rõ chủ kiến, thái độ của người nói, người viết.  |
| 5 | ***Thuyết minh*** | Được sử dụng khi cần cung cấp, giới thiệu, giảng giải những tri thức về 1 sự vật, hiện tượng nào đó cho người đọc , người nghe. |
| 6 | ***Hành chính – công vụ*** | Trình bày ý muốn, quyết định nào đó, thể hiện quyền hạn, trách nhiệm giữa người với người |

1. ***PHONG CÁCH CHỨC NĂNG NGÔN NGỮ:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Phong cách ngôn ngữ** | **Đặc điểm nhận diện** |
| 1 | ***Phong cách ngôn ngữ sinh hoạt*** | - Sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp hàng ngày, mang tính tự nhiên, thoải mái và sinh động, ít trau chuốt…Trao đổi thông tin, tư tưởng, tình cảm trong giao tiếp với tư cách cá nhân- Nhận dạng: chuyện trò/ nhật kí/ thư từ…Ngôn ngữ: Khẩu ngữ, bình dị, suồng sã, địa phương. |
| 2 | ***Phong cách ngôn ngữ báo chí (thông tấn)*** | - Kiểu diễn đạt dùng trong các loại văn bản thuộc lĩnh vực truyền thông của xã hội về tất cả các vấn đề thời sự (thu thập và biên tập tin tức để cung cấp cho các nơi) |
| 3 | ***Phong cách ngôn ngữ chính luận*** | Dùng trong lĩnh vực chính trị - xã hội; người giao tiếp thường bày tỏ chính kiến, bộc lộ công khai quan điểm tư tưởng, tình cảm của mình với những vấn đề thời sự nóng hổi của xã hội |
| 4 | ***Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật*** | - Dùng chủ yếu trong tác phẩm văn chương, không chỉ có chức năng thông tin mà còn thỏa mãn nhu cầu thẩm mĩ của con người; từ ngữ trau chuốt, … |
| 5 | ***Phong cách ngôn ngữ khoa học*** | Dùng trong những văn bản thuộc lĩnh vực nghiên cứu, học tập và phổ biến khoa học, đặc trưng cho các mục đích diễn đạt chuyên môn sâu |
| 6 | ***Phong cách ngôn ngữ hành chính***  | - Dùng trong các văn bản thuộc lĩnh vực giao tiếp điều hành và quản lí xã hội ( giao tiếp giữa Nhà nước với nhân dân, Nhân dân với các cơ quan Nhà nước, giữa cơ quan với cơ quan…) |

1. **CÁC BIỆN PHÁP TU TỪ:**

- ***Tu từ về ngữ âm***: điệp âm, điệp vần, điệp thanh,… (tạo âm hưởng và nhịp điệu cho câu)

***- Tu từ về từ:*** ***so sánh, nhân hóa, ẩn dụ, hoán dụ, nhân hóa, tương phản, chơi chữ, nói giảm, nói tránh, thậm xưng,…***

- ***Tu từ về cú pháp***: Lặp cú pháp, liệt kê, chêm xen, câu hỏi tu từ, đảo ngữ, đối, im lặng,…

|  |  |
| --- | --- |
| **Biện pháp tu từ** | **Hiệu quả nghệ thuật (Tác dụng nghệ thuật)** |
| **So sánh** |  Giúp sự vật, sự việc được miêu tả sinh động, cụ thể tác động đến trí tưởng tượng, gợi hình dung và cảm xúc |
| **Ẩn dụ** | Cách diễn đạt mang tính hàm súc, cô đọng, giá trị biểu đạt cao, gợi những liên tưởng ý nhị, sâu sắc |
| **Nhân hóa** |  Làm cho đối tượng hiện ra sinh động, gần gũi, có tâm trạng và có hồn hơn.  |
| **Hoán dụ** | Diễn tả sinh động nội dung thông báo và gợi những liên tưởng ý vị, sâu sắc |
| **Điệp từ/ngữ/cấu trúc** | Nhấn mạnh, tô đậm ấn tượng – tăng giá trị biểu cảm |
| **Nói giảm** | Làm giảm nhẹ đi ý đau thương, mất mát nhằm thể hiện sự trân trọng |
| **Thậm xưng (phóng đại)** | Tô đậm ấn tượng về… |
| **Câu hỏi tu từ** | Bộc lộ cảm xúc  |
| **Đảo ngữ** | Nhấn mạnh, gây ấn tượng về |
| **Đối** | Tạo sự cân đối |
| **Im lặng (…)** | Tạo điểm nhấn, gợi sự lắng đọng cảm xúc |
| **Liệt kê** | Diễn tả cụ thể, toàn điện  |

1. ***CÁC PHÉP LIÊN KẾT ( liên kết các câu trong văn bản)***

|  |  |
| --- | --- |
| **Các phép liên kết** | **Đặc điểm nhận diện** |
| ***Phép lặp từ ngữ*** | Lặp lại ở câu đứng sau những từ ngữ đã có ở câu trước |
| ***Phép liên tưởng (đồng nghĩa / trái nghĩa)*** | Sử dụng ở câu đứng sau những từ ngữ đồng nghĩa/ trái nghĩa hoặc cùng trường liên tưởng với từ ngữ đã có ở câu trước |
| ***Phép thế*** | Sử dụng ở câu đứng sau các từ ngữ có tác dụng thay thế các từ ngữ đã có ở câu trước |
| ***Phép nối*** | Sử dụng ở câu sau các từ ngữ biểu thị *quan hệ* (nối kết)với câu trước |

1. ***CÁC THAO TÁC LẬP LUẬN***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Các thao tác lập luận** | **Nhận diện** |
| 1 | ***Giải thích*** | Giải thích là vận dụng tri thức để hiểu vấn đề nghị luận một cách rõ ràng và giúp người khác hiểu đúng ý của mình. |
| 2 | ***Phân tích*** | Phân tích là chia tách đối tượng, sự vật hiện tượng thành nhiều bộ phận, yếu tố nhỏ để đi sâu xem xét kĩ lưỡng nội dung và mối liên hệ bên trong của đối tượng. |
| 3 | ***Chứng minh*** |  Chứng minh là đưa ra những cứ liệu - dẫn chứng xác đáng để làm sáng tỏ một lí lẽ một ý kiến để thuyết phục người đọc người nghe tin tưởng vào vấn đề |
| 4 | ***Bác bỏ*** |  Bác bỏ là chỉ ra ý kiến sai trái của vấn đề trên cơ sở đó đưa ra nhận định đúng đắn và bảo vệ ý kiến lập trường đúng đắn của mình. |
| 5 | ***Bình luận*** |  Bình luận là bàn bạc đánh giá vấn đề, sự việc, hiện tượng… đúng hay sai, hay / dở; tốt / xấu, lợi / hại…; để nhận thức đối tượng, cách ứng xử phù hợp và có phương châm hành động đúng. |
| 6 | ***So sánh*** | So sánh là một thao tác lập luận nhằm đối chiếu hai hay nhiều sự vật, đối tượng hoặc là các mặt của một sự vật để chỉ ra những nét giống nhau hay khác nhau, từ đó thấy được giá trị của từng sự vật hoặc một sự vật mà mình quan tâm.Hai sự vật cùng loại có nhiều điểm giống nhau thì gọi là so sánh tương đồng, có nhiều điểm đối chọi nhau thì gọi là so sánh tương phản. |

1. **CÁC KIỂU CÂU VÀ NÊU HIỆU QUẢ SỬ DỤNG**
* ***Câu theo mục đích nói:***

 **-** Câu tường thuật (câu kể)

 - Câu cảm thán (câu cảm)

 - Câu nghi vấn ( câu hỏi)

 - Câu khẳng định

 - Câu phủ định.

* ***Câu theo cấu trúc ngữ pháp***

 - Câu đơn

 - Câu ghép/ Câu phức

 - Câu đặc biệt.

1. **CÁCH THỨC TRÌNH BÀY CỦA ĐOẠN VĂN/ KẾT CẤU ĐOẠN VĂN)**

**- *Diễn dịch***

***- Qui nạp***

***- Tổng – Phân – Hợp…***

1. ***CÁC THỂ THƠ:***

***Lục bát; Song thất lục bát; Thất ngôn; Thơ tự do; Thơ ngũ ngôn, Thơ 8 chữ…***

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**PHẦN II: NLVH KHỐI 11**

**ĐÂY THÔN VĨ DẠ**

 **Hàn Mặc Tử**

**I./ Tìm hiểu chung:**

**1./ Tác giả:**

- Hàn Mặc Tử tên thật là Nguyễn Trọng Trí (1912 – 1940), quê Quảng Bình.

- Ông làm công chức ở sở Đạc điền Bình Định rồi vào Sài Gòn làm báo nhưng do mắc bệnh phong nên nhà thơ đã về hẳn Quy Nhơn để chữa bệnh và mất tại trại phong Quy Hòa.

- Tuy cuộc đời nhiều bi thương nhưng Hàm Mạc Tử là một trong những nhà thơ có sức sáng tạo mạnh mẽ nhất trong phong trào Thơ mới.

2**./ Tác phẩm:**

**- Xuất xứ và hoàn cảnh ra đời**: Bài thơ khởi hứng từ bức bưu ảnh mà Hoàng Cúc gửi tặng, và được in trong tập *Thơ Điên* năm 1938.

**II./ Đọc – Hiểu văn bản:**

**1./ Khổ 1: *Bức tranh thôn Vĩ buổi sớm mai.***

“*Sao anh không về chơi thôn Vĩ?*

*Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên*

*Vườn ai mướt quá xanh như ngọc*

*Lá trúc che ngang mặt chữ điền.”*

* Câu hỏi mở đầu: *“Sao anh không về chơi thôn Vĩ?’’*

+ Vừa là lời trách móc nhẹ nhàng của người con gái thôn Vĩ (tác giả tưởng tượng ra), vừa là lời tự vấn sao không về Vĩ Dạ của nhà thơ.

+ Là lời mời gọi tha thiết về thôn Vĩ.

- Thiên nhiên Vĩ Dạ buổi sớm mai: “*Nhìn nắng hàng cau, nắng mới lên”*

+ *Nắng hàng cau*: Cau là cây cao nhất trong vườn nên sớm đón được tia nắng đầu tiên của một ngày. Vì thế “nắng hàng cau” là nắng thanh tân, tinh khôi, là nắng thiếu nữ. Ánh nắng chiếu vào thân cau đổ bóng xuống khu vườn.

+ *Nắng mới lên*: Nắng đầu tiên của một ngày mới mẻ, ấm áp. Chữ “*mới*” tô đậm cái trong trẻo, tinh khiết của những tia nắng đầu tiên trong ngày. Thi nhân như đã theo “*nắng mới*” để về với Vĩ Dạ.

*“Vườn ai mướt quá xanh như ngọc”*

*-“Mướt:* ánh lên vẻ mượt mà, óng ả, đầy xuân sắc, một màu xanh mỡ màng tràn trề nhựa sống.

- “*Xanh như ngọc*”: một màu xanh lung linh, ngời sáng, long lanh. Khu vườn Vĩ dạ trong buổi bình minh đã thành một viên ngọc lớn, vừa thanh khiết, vừa cao sang.

Người thôn Vĩ: “*Lá trúc che ngang mặt chữ điền”*

* *“Mặt chữ điền*”: khuôn mặt đẹp, phúc hậu.

*+“Lá trúc che ngang*”: vẻ đẹp kín đáo, dịu dàng.

🡪 Thiên nhiên, con người hài hòa với nhau trong một vẻ đẹp kín đáo, dịu dàng.

 ⬄***Bức tranh thôn Vĩ đẹp, tươi sáng, trong trẻo, gợi cảm và đầy sức sống. Niềm hi vọng lóe sáng về tình yêu, hạnh phúc của thi nhân.***

**2./ Khổ 2:** ***Cảnh sông nước xứ Huế.***

*“Gió theo lối gió, mây đường mây*

*Dòng nước buồn thiu, hoa bắp lay*

*Thuyền ai đậu bến sông trăng đó*

*Có trở trăng về kịp tối nay?”*

* Không gian mở rộng ra ngoài khung cảnh của thôn Vĩ. Đó là trời mây, sông nước xứ Huế.

- Thời gian: buổi ban mai ở Vĩ Dạ đã chuyển vào ngày rồi sang đêm tối.

+ *“Gió theo lối gió, mây đường mây*”: Cách ngắt nhịp 4/3 với hai vế tiểu đối gợi tả một không gian gió, mây chia lìa đôi đường, đôi ngả như một nghịch cảnh.

*+ “Dòng nước buồn thiu hoa bắp lay*”: Nhà thơ đã nhân hóa con sông thành một sinh thể có tâm trạng để giãi bày tâm tư của chính mình, một tâm trạng buồn, hiu hắt.

 + NT: nhân hóa, nhịp thơ chậm rãi.

 🡪 Một nỗi buồn hiu hắt lan tỏa cả không gian mang dự cảm về hạnh phúc chia xa.

* Thiên nhiên sông nước xứ Huế về đêm: “*Thuyền ai đậu bến sông trăng đó*

 *Có chở trăng về kịp tối nay?”*

+ *“Thuyền ai*”: ngỡ ngàng, bâng khuâng, vừa quen vừa lạ.

+ “*Sông trăng*”: Dòng sông như được dát bạc, ánh lên, lộng lẫy.

+ Nt: Câu hỏi tu từ.

🡪 Câu thơ đã tạo nên một hình tượng đẹp, thi vị, gợi tả vẻ đẹp lãng mạn, thơ mộng, thân thương của Huế, thể hiện sự khắc khoải, chờ đợi tình yêu, hạnh phúc của thi nhân.

 <=> ***Cảnh xứ Huế và dự cảm hạnh phúc chia xa.***

**3./ Khổ 3:*Thiếu nữ Huế và sự mơ tưởng, hoài nghi của thi nhân***:

*“Mơ khách đường xa, khách đường xa*

*Áo em trắng quá nhìn không ra*

*Ở đây sương khói mờ nhân ảnh*

*Ai biết tình ai có đậm đà?”*

- Thiên nhiên nhường chỗ cho sự hiện diện của con người.

+ “*Khách đường xa*”: Có thể là người đang sống ở Vĩ Dạ cũng có thể là chính nhà thơ.

+ Điệp từ: gợi lên khoảng cách xa xôi, sự cách trở.

+ “*Áo em*”: Áo của người con gái xứ Huế.

+ “*Trắng quá nhìn không* ra”: Thi nhân đang sống trong ảo giác, không phải nhìn bằng mắt thường.

*+ “Sương khói mờ nhân ảnh*”: Cảnh vật và con người mờ ảo, xa xôi.

+ Câu hỏi tu từ lần thứ ba.

* Hiện thực hư ảo mờ nhòe, càng lúc càng chìm vào cõi mộng. Thi nhân cảm nhận rõ nét khoảng cách xa xôi, cái hư ảo của tình yêu, hạnh phúc ngày càng rõ nét.

=>Thiếu nữ Huế và sự tuyệt vọng của thi nhân.

NT: Sử dụng đại từ phiếm chỉ “*ai*” trong “*thuyền ai”, “vườn ai”, “tình ai*”. Kết hợp với sự lặp lại của các câu hỏi tu từ: “*Sao anh….?”, “Có chở tăng…?”, “Ai biết tình …?”.*

 ⬄ ***Bài thơ thể hiện tình cảm yêu mến đối với cảnh sắc thiên nhiên, con người xứ Huế và nỗi buồn sâu kín trong dự cảm tình yêu, hạnh phúc chia xa của nhà thơ.***

***III/.Tổng kết:***

 ***Với những hình ảnh biểu hiện nội tâm, bút pháp gợi tả, ngôn ngữ tinh tế, giàu liên tưởng, bài thơ “Đây thôn Vĩ dạ” là bức tranh đẹp về một miền quê đất nước, là tiếng lòng của một con người tha thiết yêu đời, yêu người.***

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**Chiều tối**

 ***Hồ Chí Minh***

**I. Tìm hiểu chung:**

**- Tác giả:** Chủ tịch Hồ Chí Minh (1980 – 1969) là nhà lãnh tụ vĩ đại của dân tộc Việt Nam, là danh nhân văn hóa thế giới.

 - **Xuất xứ và hoàn cảnh sáng tác*:*** Bài thơ trích trong tập “*Nhật kí trong tù*”, cảm hứng được gợi lên trên đường chuyển lao của Hồ Chí Minh từ nhà tù Tĩnh Tây đến nhà tù Thiên Bảo.

**II. Đọc –hiểu văn bản:**

*Chim mỏi về rừng tìm chốn ngủ*

*Chòm mây trôi nhẹ giữa tầng không*

*Cô em xóm núi xay ngô tối*

*Xay hết lò than đã rực hồng*

**1./ Bức tranh thiên nhiên:**

 - Hai câu dầu miêu tả bức tranh thiên nhiên mở ra những hình ảnh cụ thể: cánh chim, chòm mây, bầu trời, núi rừng. Đó là những hình ảnh khi tác giả nhìn lên trời cao và hướng tầm mắt ra xa.

*“Chim mỏi về rừng tìm chốn ngủ*

*Chòm mây trôi nhẹ giữa tầng* không*”*

 - Một khung cảnh thiên nhiên với núi rừng lúc chiều tối. Có cách chim chiều mệt mỏi đang bay về tổ. Có chòm mây lẻ loi, lững lờ trôi giữa tầng không. Một không gian rộng lớn, trống vắng trong cái thời khắc cuối cùng của một ngày.

- Cảnh được miêu tả theo bút pháp cổ điển:

+ Hình ảnh chấm phá chủ yếu gợi cái hồn của tạo vật

+ Cảnh được nhìn từ cao, từ xa.

+ Cánh chim , chòm mây vốn là những hình ảnh quen thuộc trong thơ cổ.

- Cảnh thơ mộng ,tĩnh lặng , khoáng đạt , phản ánh vẻ đẹp của tâm hồn nghệ sĩ tinh tế, yêu thiên nhiên, một phong thái ung dung tự tại.

- Cảnh buồn:

+ Chòm mây lẻ loi *“cô vân*”

+ Cánh chim mỏi mệt bay về tổi “*quyện điểu*”.

-NT:tả cảnh ngụ tình.

 -> Bức tranh thiên nhiên ở hai câu đầu mang nét buồn vắng, thể hiện tâm trạng buồn cô đơn, mỏi mệt của tác giả - một người tù dù trời tối rồi vẫn đang bị giải đi trên đường, một người chiến sĩ bị giam cầm trên đất khách quê người.

**2. Bức tranh đời sống:**

*“Cô em xóm núi xay ngô tối*

*Xay hết lò than đã rực hồng”*

Cảnh được miêu tả bằng bút pháp hiện đại.

 - Hình ảnh cô gái xay ngô toát lên:

+ Vẻ đẹp khỏe khoắn, trẻ trung.

+ Công việc lao động đời thường, bình dị.

Giữa núi rừng mênh mông, thiếu nữ miền sơn cước không bị hòa lẫn vào cảnh vật hay trở nên nhỏ bé, yếu ớt mà trái lại hình ảnh cô gái chính là điểm sáng của bức tranh, là trung tâm của cảnh vật.

 - Hình ảnh lò than rực hồng:

+ Thời gian chuyển về tối -> nghệ thuật dùng ánh sáng chỉ bóng tối. Chỉ cần nhìn lò than đỏ rực , người ta cũng nhận ra bóng tối đã về bao trùm vạn vật.

+ Hình ảnh “*lò than*” xua đi cái giá lạnh của đêm cuối thu. Bức tranh chiều tối đến đây không buồn bã, thê lương, ảm đạm mà tràn đầy sức sống ấm áp, tươi sáng.

+ Khơi dậy trong tâm hồn người tù khao khát chốn nghỉ chân, một gia đình bình dị.

+ Phản ánh tâm hồn luôn hướng về ánh sáng , hướng về sự sống của Hồ Chí Minh.

 - Bài thơ mang tên *“Chiều tối*” nhưng không kết thúc bằng bóng tối mà kết thúc bằng ánh sáng màu sắc rực rỡ. Chữ “hồng” chính là nhãn tự của bài thơ, thu được cả linh hồn, sức sống của toàn bài. Cả bức tranh bừng sáng bởi chữ “*hồng”*.

**III. Tổng kết:**

 Bài thơ “*Chiều tối*” cho thấy tình yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống,‎ chí vượt lên hoàn cảnh khắc nghiệt của nhà thơ chiến sĩ Hồ Chí Minh. Bài thơ đậm sác thái cổ điển mà hiện đại.

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**Từ ấy**

 **Tố Hữu**

**I. Tìm hiểu chung:**

**1 . Tác giả :**

- Tố Hữu(1920 – 2002) tên thật là Nguyễn Kim Thành, quê: Thừa Thiên - Huế .

- Là người sớm giác ngộ lí tưởng cộng sản, năm 1938 ông được kết nạp vào Đảng Cộng sản. Từ đó, sự nghiệp thơ ca của ông gắn liền với sự nghiệp cách mạng, phản ánh chân thật những chặng đường cách mạng đầy gian khổ, hi sinh nhưng cũng nhiều thắng lợi vẻ vang của dân tộc Việt Nam.

**2 . Tác phẩm:**

 - Xuất xứ – HCST: Ngày được đứng vào hàng ngũ những người cùng phấn đấu vì một lý tưởng cao đẹp là bước ngoặt quan trọng trong đời Tố Hữu. Ghi nhận những kỉ niệm đáng nhớ ấy với những cảm xúc, suy tư sâu sắc, Tố Hữu đã viết bài thơ “*Từ ấy*” (1938 )Bài thơ nằm trong phần*“Máu lửa”* của tập thơ*“ Từ ấy”.*

**II . ĐỌC HIỂU VĂN BẢN :**

**1 . Khổ 1:** Niềm vui sướn, say mê khi gặp lí tưởng của Đảng:

 ***“****Từ ấy trong tôi bừng nắng hạ*

 *Mặt trời chân lí chói qua tim*

 *Hồn tôi là một vườn hoa lá*

 *Rất đậm hương và rộn tiếng chim…”*

- Với bút pháp tự sự: tác giả kể lại một kỉ niệm không quên của đời mình:

*“Từ ấy trong tôi bừng nắng hạ*

*Mặt trời chân lí chói qua tim”*

+ “ *Từ ấy*”-> là mốc thời gian có ý nghĩa đặc biệt quan trọng: nhà thơ được giác ngộ lí tưởng CS, được đứng trong hàng ngũ Đảng.

+ Các hình ảnh ẩn dụ: *nắng hạ , mặt trời chân lí, chói qua tim* -> khẳng định lí tưởng CS như một nguồn sáng mới làm bừng sáng tâm hồn nhà thơ => thái độ thành kính, ân tình.

+ Các động từ: *bừng, chói* -> nhấn mạnh sự tác động kì diệu của ánh sáng lí tưởng: đã xua tan màn sương mù của ý thức tiểu tư sản và mở ra trong tâm hồn nhà thơ một chân trời mới của nhận thức, tư tưởng và tình cảm.

- Trước thời điểm “*từ ấy*”, tâm trạng nhà thơ :

 “*Băn khoăn đi kiếm lẽ yêu đời*

 *Vẩn vơ theo mãi dòng quanh quẩn*

 *Muốn thoát, than ôi, bước chẳng rời*”

(“*Nhớ đồng* ”)

=> khi được giác ngộ, tâm hồn vui sướng, tin yêu vào cuộc đời …

Hai câu sau tiếp tục diễn tả niềm vui sướng ấy qua những hình ảnh :

«*Hồn tôi là một vườn hoa lá*

*Rất đậm hương và rộn tiếng chim »*

-> Bút pháp trữ tình – lãng mạn kết hợp những hình ảnh so sánh: *Hồn tôi - vườn hoa lá - đậm hương - rộn tiếng chim* => diễn tả cụ thể niềm vui sướng vô hạn của tâm hồn nhà thơ trong buổi đầu đến với lí tưởng CS .

*⬄* ***Lí tưởng CS đã làm tâm hồn con người tràn đầy sức sống và niềm yêu đời , khơi dậy nguồn cảm hứng sáng tạo mới cho hồn thơ .***

**2 . Khổ 2: *Những nhận thức mới về lẽ sống :***

 «*Tôi buộc lòng tôi với mọi người*

 *Để tình trang trải với trăm nơi*

 *Để hồn tôi với bao hồn khổ*

 *Gần gũi nhau thêm mạnh khối đời »*

- Từ *“buộc”*: ngoa dụ -> ý thức tự nguyện sâu sắc và quyết tâm cao độ, muốn vượt qua giới hạn của “ cái tôi” cá nhân để sống chan hoà với mọi người .

- *“ Tình trang trải khắp trăm nơi”*: tâm hồn nhà thơ trải rộng với cuộc đời, tạo ra khả năng đồng cảm sâu xa với hoàn cảnh của từng con người cụ thể .

- *“ Hồn tôi với bao hồn khổ”*: sự quan tâm đặc biệt đến quần chúng lao khổ.

- *“ Gần gũi … thêm mạnh khối đời”*: sự đoàn kết chặt chẽ giữa những người cùng chung cảnh ngộ , cùng chung lí tưởng -> tạo nên sức mạnh lớn .

*⬄ Đặt mình giữa dòng đời và môi trường rộng lớn của quần chúng lao khổ -> nhà thơ đã tìm thấy niềm vui và sức mạnh mới không chỉ bằng nhận thức mà còn bằng tình cảm mến yêu , bằng sự giao cảm của những trái tim .*

**3 . Khổ 3: *Sự chuyển biến sâu sắc trong tình cảm của nhà thơ :***

 *«Tôi đã là con của vạn nhà*

 *Là em của vạn kiếp phôi pha*

 *Là anh của vạn đầu em nhỏ*

 *Không áo cơm, cù bất cù bơ... »*

- Điệp từ: *là , vạn* ( số từ ước lệ -> số lượng đông đảo )

- Cách xưng hô: *con, em, anh* -> đầm ấm, thân thiết .

- Giọng thơ xúc động , chân thành

=> nhà thơ khẳng định mình là thành viên của đại gia đình quần chúng lao khổ .

***⬄ Nhận thức sâu sắc về mối liên hệ giữa cá nhân với quần chúng lao khổ, với nhân loại cần lao -> quan điểm của giai cấp vô sản .***

**III . TỔNG KẾT:**

- Ngôn ngữ thơ giàu nhạc điệu, hình ảnh thơ tươi sáng , phép tu từ phong phú; bút pháp trữ tình – chính trị.

- ***Bài thơ thể hiện niềm vui sướng , say mê mãnh liệt của nhà thơ khi được giác ngộ lí tưởng CS , đồng thời cũng là lời tâm nguyện của một thanh niên yêu nước: gắn bó với quần chúng , đấu tranh cho những người lao khổ .***

=> Bài thơ tuy là nói về lí tưởng chính trị, nhưng không khô khan, mà bằng một trái tim hết sức nhay cảm, một tình cảm chân thành => bút pháp trữ tình – chính trị .

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*